

**CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ PP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ PP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PP INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110459646

**3. Ngày thành lập:** 23/08/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Ngõ Đình 1, Tổ dân phố số 16, Phường Đồng Mai, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0961218121

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, thực phẩm bổ sung (Nghị định 67/2016/NĐ-CP)                                                                                                                                                                            | 4632(Chính) |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: -Bán buôn tân dược (Luật Dược năm 2016)<br>- Bán buôn dụng cụ y tế: bông, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...; (Nghị định 98/2021/NĐ-CP)<br>- Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: máy đo huyết áp, máy trợ thính... (Nghị định 98/2021/NĐ-CP) | 4649        |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong y tế, nha khoa cho mục đích chẩn đoán bệnh, chữa bệnh.                                                                                                                                                     | 4659        |
| 4.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm<br>Chi tiết: Trồng cây dược liệu                                                                                                                                                                                                                                      | 0128        |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                           | 8299        |
| 6.  | Đào tạo trung cấp<br>Chi tiết: Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                               | 8532        |
| 7.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: - Tư vấn giáo dục;<br>-Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục                                                                                                                                                                                                                       | 8560        |
| 8.  | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8620        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7211 |
| 10. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại Bán lẻ nhiều loại hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cửa hàng bách hóa (trừ siêu thị, trung tâm thương mại), bán nhiều loại hàng hóa: quần áo, giày dép, đồ dùng gia đình, hàng ngũ kim, lương thực thực phẩm, trong đó lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá thuốc lá chiếm tỷ trọng nhỏ hơn các mặt hàng khác | 4719 |
| 11. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng, thực phẩm các loại (Nghị định 67/2016/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4722 |
| 12. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng (Nghị định 67/2016/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1079 |
| 13. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Chi tiết: Sản xuất thuốc các loại, Sản xuất hóa dược và dược liệu (Luật Dược năm 2016)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2100 |
| 14. | Vận tải hành khách đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4911 |
| 15. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4912 |
| 16. | Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4929 |
| 17. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>(trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4931 |
| 18. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4932 |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4933 |
| 20. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5021 |
| 21. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5022 |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5221 |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5222 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5229 |
| 25. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: cho thuê máy móc, thiết bị và phụ tùng phục vụ cho ngành y tế bệnh viện, cơ sở y tế, phòng khám tư nhân                                                                                                                                                                                                                                                       | 7730 |
| 26. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3250 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế và đồ chỉnh hình; (Nghị định 98/2021/NĐ-CP)<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh;<br>- Bán lẻ thuốc tân dược, đông dược; (Luật Dược năm 2016)<br>- Bán lẻ thuốc; (Luật Dược năm 2016)<br>- Bán lẻ dược liệu (Luật Dược năm 2016) | 4772 |
| 28. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học và thiết bị chính xác; - Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, giẻ lau...;                                                                                                                                 | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐẶNG TIẾN PHI   | Việt Nam  | Tổ 14, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | 1.080.000.000         | 60,000    | 026090008090                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ HIỀN | Việt Nam  | Tổ 14, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | 720.000.000           | 40,000    | 042195002794                                                                                            |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐẶNG TIẾN PHI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/07/1990

Dân tộc: Dao

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026090008090

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 14, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 14, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội